

NGUYỄN ĐỒNG CHI VÀ NỖ LỰC KIẾN TẠO THẦN THOẠI VIỆT NAM ĐA TỘC NGƯỜI

Nguyễn Mạnh Tiến

Viện Văn học – Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Email: nguyenmanhtien.hvn@gmail.com

Ngày nhận bài: 21/5/2026; ngày hoàn thành phản biện: 21/6/2026; ngày duyệt đăng: 22/6/2026

TÓM TẮT

Nguyễn Đồng Chi được biết đến là một học giả lớn, góp phần trực tiếp đặt nền móng và khai sinh khoa văn học dân gian ở Việt Nam. Nghiên cứu này, phân tích hai công trình của Nguyễn Đồng Chi là *Lược khảo về thần thoại Việt Nam* (1956) và *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* (1957). Từ đó, chỉ ra cảm hứng dân tộc lãng mạn chính là mô hình ngầm ẩn chi phối nỗ lực kiến tạo nền văn học, văn hóa của học giả Nguyễn Đồng Chi. Đóng góp đặc biệt trong di sản của Nguyễn Đồng Chi không chỉ xác định cơ sở khoa học cho ngành văn học dân gian, mà rộng lớn hơn là đặt cơ sở dữ liệu cho cảm quan đa tộc người, trước tiên là di sản văn học dân tộc như là một nền văn học đa tộc người, sau đó, là bản chất văn hóa Việt Nam là một nền văn hóa đa tộc người.

Từ khóa: Chủ nghĩa dân tộc lãng mạn, đa tộc người, Nguyễn Đồng Chi, văn học dân gian.

1. MỞ ĐẦU

Hiểu biết về nước Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử của nó từ lập quốc đến hiện đại, cảm hứng lớn nhất, vẫn là Việt tâm luận: Nước Việt Nam như là nước của người Kinh/Việt, khối cư dân đông đảo nhất, chiếm áp đảo các tộc người còn lại trong quốc gia. Nuôi dưỡng cho cảm hứng lấy Việt làm trung tâm ấy vừa là phức cảm bản nguyên tộc người trung tâm luận như một chứng ái kỷ tập thể nguyên thủy tồn tại ở mọi nhóm người, tộc người, quốc gia – dân tộc; về sau này, lại được gia cố mạnh mẽ thêm bởi não trạng Hoa Di của di sản Nho giáo, hệ tư tưởng chính thống được vương triều Đại Việt lựa chọn để quản trị đất nước và dựng khung luân lý quốc gia. Tuy thế, ở ngã tư đường của tộc người, văn minh, Việt Nam còn thuộc về thế giới Đông Nam Á. Thực tại chính trị - lịch sử, văn hóa – tôn giáo quốc gia đã qui định Đại Việt luôn đối

diện với tính chất đa tộc người suốt quá trình dài lâu của các vương triều (Nguyễn Mạnh Tiến, 2014).

Chúng ta luôn có thể tìm thấy trong não trạng vương triều các ý tưởng về một quốc gia Việt Nam/Đại Việt đa tộc người được nhận thức trong hành trình kiến quốc. Một ví dụ tiêu biểu, Nguyễn Hoàng thủy tổ sáng lập nhà Nguyễn Đàng Trong, trước khi qua đời năm 1613 đã trở lại cho con: “Vùng đất Thuận Quảng, Bắc giáp dãy Hoành Sơn, và sông Gianh, phía Nam là Thạch Bi, với địa hình hiểm trở và tài nguyên phong phú, chính là vùng đất được ban cho các anh hùng! Do đó, chúng ta phải thương yêu các dân tộc và tập luyện binh sĩ để chống lại họ Trịnh và xây dựng một công trình bền vững” (Lê Thành Khôi, 2014, tr.295). Tận dụng, huy động sức mạnh của đa tộc người cho các mục đích của vương triều do đó làm thành một sinh lộ chính trị của nước Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử (Nguyễn Mạnh Tiến 2014; 2021).

Nước Việt Nam hiện đại, nhận được sự ủng hộ từ các cộng đồng thiểu số, các chiến khu đều đặt ở vùng miền núi, từ miền núi tiến xuống đồng bằng đẩy lùi các thế lực xâm lược, tồn tại và thành công từ các An toàn khu (ATK), các lãnh đạo nhà nước Xã hội Chủ nghĩa vừa mới khai sinh, vì thế, ngay sau khi giành được độc lập đã phát đi những tuyên ngôn mang tính định hướng quan trọng cho bản sắc một nước Việt Nam mới, đậm dấu ấn đa tộc người. Trong thư gửi “Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam” ngày 19/4/1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết:

“Đồng bào Kinh hay Thợ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Êđê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau.

Trước kia chúng ta xa cách nhau, một là vì thiếu giấy liên lạc, hai là vì có kẻ xui giục để chia rẽ chúng ta.

Ngày nay nước Việt Nam là nước chung của chúng ta.” (*Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, 1958, tr.85-86).

Trong thư gửi các học sinh Trường sư phạm miền núi Trung ương nhân dịp trường khai giảng, 19 tháng 3 năm 1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn dặn:

“Các cháu thuộc nhiều dân tộc và ở nhiều địa phương. Nhưng các cháu đều là con em của đại gia đình chung: là gia đình Việt Nam; đều có một Tổ quốc chung: là Tổ quốc Việt Nam.

Trong hơn 80 năm, vì chúng ta bị thực dân Pháp và bọn vua chúa áp bức cho nên chúng ta lạc hậu, văn hoá kém cỏi, mà chúng nó áp bức được là vì chúng nó chia rẽ chúng ta, vì chúng ta chưa biết đoàn kết.

Ngày nay, các dân tộc anh em chúng ta muốn tiến bộ, muốn phát triển văn hoá của mình thì chúng ta phải tẩy trừ những thành kiến giữa các dân tộc, phải đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ nhau như anh em một nhà.” (Hồ Chí Minh, 2011, tr.375)

Hình dung, nhận thức nước Việt Nam mới như một thực thể đa tộc người, là “anh em” – cùng chung một bọc, kết nối thân tộc xuyên thắm qua các khác biệt về ngôn ngữ, nhân chủng, nguồn cội, lịch sử và ký ức riêng là hình dung một bản sắc mới của nước Việt Nam hiện đại Xã hội Chủ nghĩa. Cảm hứng này, trong quyền hoạt động của ý chí “đại đoàn kết dân tộc” rộng lớn và tổng thể như thế là “định hướng chính trị” trực tiếp chứ không cần ẩn dụ. Đó là đà thúc đẩy, tạo cơ sở cho một cuộc tổng hợp mới về bản sắc Việt Nam mà trong đó, đầu bảng phải là nỗ lực khớp nối, chuẩn định và phổ thông hóa phá hệ thần thoại dân tộc Việt Nam đa tộc người. Đây là chương trình làm việc tổng thể và lâu dài, đến tận ngày hôm nay vẫn chưa có hồi kết. Cảm thức về Việt Nam như một thực thể đa tộc người vẫn liên tục được bồi đắp.

2. NỘI DUNG

Chủ nghĩa dân tộc lãng mạn với hạt nhân tư tưởng là kiến tạo nền văn hóa từ hoạt động kết tập và diễn giải di sản văn hóa dân gian, mà trong đó văn chương dân gian là chất liệu chủ đạo, ở Việt Nam, lịch sử tri thức hiện đại đã có kinh nghiệm khá phong phú. Ngay từ đầu thế kỷ XX, đã xuất hiện rất nhiều dự án dân tộc lãng mạn như của Nguyễn Văn Ngọc, Nguyễn Văn Huyền, Trương Tửu, Phạm Quỳnh và *Nam Phong*, Phan Khôi và *Phụ nữ tân văn*, Hoa Bằng và *Tri Tân*... (Nguyễn Mạnh Tiến 2025). Kinh nghiệm về chủ nghĩa dân tộc lãng mạn ở Việt Nam đến từ nhiều nguồn. Trực tiếp ảnh hưởng tư tưởng gia dân tộc lãng mạn Herder¹, với những tư liệu hiện có, không cho biết

¹ Triết gia Đức Johann Gottfried von Herder (1744 – 1803) chính là một đại diện quen thuộc và quan trọng nhất khai sinh ra các mô hình dân tộc chủ nghĩa trung dụng từ văn hóa dân gian, được gọi là chủ nghĩa dân tộc lãng mạn (romantic nationalism). Nửa sau thế kỷ XVIII, thời đại của Herder đối diện với nguy cơ giới quý tộc Đức mãi mê chạy theo văn hóa, ngôn ngữ Pháp. Herder nhìn thấy ở đây sự sa đọa, nguy cơ mất gốc và tiềm ẩn sự diệt vong dân tộc Đức về mặt văn hóa. Herder muốn khơi dậy văn hóa Đức từ chính các điều kiện cụ thể của dân tộc chứ không phải chỉ biết đuổi theo các giá trị phổ quát (mà thời ấy là giá trị Pháp) bằng cách xây dựng một học thuyết đề cao tính đa dạng và tầm quan trọng của địa phương, bản địa, nhằm chối bỏ các giá trị phổ quát mà Pháp theo đuổi và có ý áp đặt cho cả châu Âu trong đó có nước Đức của Herder. Herder kêu gọi hãy quay về các truyền thống văn hóa dân gian, về các “kho tàng trữ tính dân tộc” là các bài ca dân gian, nơi lưu giữ dấu ấn không phai mờ tâm hồn Đức (Finkelkraut, 1989). Việc Napoléon chiếm đóng Đức đã giáng cho nước Đức một đòn đau đớn, đẩy nước Đức xuống thân phận của kẻ nô lệ. Niềm tự tôn dân tộc do đó đã bị thương tổn nặng nề. Nước Đức tìm mọi cách vùng vẫy để rửa nỗi nhục của kẻ bại trận, và dân tộc đã bừng trỗi dậy. Người Đức say mê phát hiện ra ở mô hình Herder đã cung cấp một niềm tự tôn khác để rút tia từ đó, xây dựng hình ảnh dân tộc Đức mới, đầy tự hào về văn hóa mong thoát khỏi ảnh hưởng Pháp, xóa nhẹ bớt nỗi nhục thất bại về va chạm quân sự. Mong muốn chiến thắng về văn hóa đã tái tạo lại dân tộc Đức.

giới tinh hoa người Việt có ảnh hưởng trực tiếp từ ông, vì gần như rất khó tìm thấy bằng chứng cho thấy các học giả người Việt đầu thế kỷ XX đã biết đến Herder. Chủ nghĩa dân tộc lãng mạn ở Việt Nam, khớp hơn với thực tế, hình thành từ mấy con đường sau: 1. Ảnh hưởng phương pháp làm việc kiểu chủ nghĩa dân tộc lãng mạn qua các nhà folklore Pháp như cách Nguyễn Văn Huyền ảnh hưởng Marcel Granet, Jean Przyluski (Nguyễn Mạnh Tiến 2016; 2019); 2. Ảnh hưởng từ di sản Völkerpsychologie (tâm lý học dân tộc) Pháp, một nhánh của chủ nghĩa dân tộc lãng mạn như các trí thức Nam Phong (Luu Ngọc An, 2025); 3. Không hẳn là chịu sự ảnh hưởng từ các luồng bên ngoài, nhưng chính những điều kiện tương đồng về sự khởi sinh kinh nghiệm chủ nghĩa dân tộc lãng mạn cận hiện đại ở các quốc gia thuộc địa đã thúc đẩy các trí thức Việt Nam tìm thấy từ di sản truyện kể và thơ ca dân gian, cũng như folklore nói chung những chất liệu nhằm kiến tạo các mô hình dân tộc bản địa, kích phát niềm tự trọng tập thể, nhằm phản kháng lại nền văn hóa thống trị. Điều thuộc về lý luận sự khởi sinh kinh nghiệm dân tộc lãng mạn đã được xác nhận (Wilson 1973; Thiesse, 2025). Tuy thế, các dự án dân tộc lãng mạn tiêu biểu nhất của Việt Nam, như kể trên tính đến thời điểm những năm 1960 đều tư duy văn hóa Việt Nam chỉ như là văn hóa của người Kinh/Việt. Mọi dẫn liệu về văn chương, nghệ thuật, phong tục... đều là của người Kinh. Phải đến khi nhà nước Xã hội chủ nghĩa được thiết lập trong thời hiện đại, nhu cầu cấp thiết về một quốc gia đa tộc người như đã nói mới được đặt ra trong chương trình quốc gia trọng yếu. Đáp ứng yêu cầu chính trị văn hóa quốc gia mới, các học giả xã hội chủ nghĩa đã kiến tạo nền văn hóa, văn học quốc gia theo hướng đa tộc người.

Giữ vị trí đặc biệt quan trọng, bởi tính thời điểm lịch sử trong nỗ lực kiến tạo di sản văn chương Việt Nam đa tộc người, cụ thể là thần thoại Việt Nam đa tộc người, không chỉ như một cụ thể hóa ý chí chính trị, mà hơn thế, có cơ sở văn hóa trong chiều sâu phải kể đến học giả Nguyễn Đồng Chi. Ông là đại diện lớn của hoạt động kết tập, chú giải phá hệ thần thoại và dựng xây thần điện Việt Nam trong những dự án làm việc với bộ đôi công trình nổi tiếng: *Lược khảo về thần thoại Việt Nam* (1956) và *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* (1957).

Toàn thể giới tinh hoa ra sức khai thác các truyền thống cổ, nhất là folklore dân gian, trung dụng, diễn giải các phẩm chất dân tộc từ các truyện cổ, bài ca, câu tục ngữ hay các phong tục thuần phác của nhân dân. Chính trong cảm hứng được truyền đi từ Herder mà anh em Grimm đã cất công sưu tầm truyện cổ với niềm xác tín ẩn dấu đằng sau truyện cổ dân gian là cách ứng xử, suy nghĩ, là linh hồn dân tộc.

Patricia Pelley cho rằng: “Trong thập niên 1920 và 1930, và rõ ràng trong trạng thái chịu ảnh hưởng của Johann Gottfried von Herder, một số trí thức Việt Nam tưởng tượng hồn dân tộc theo hình thức ngôn ngữ và văn học” và Phạm Quỳnh được dẫn như một ví dụ (Pelley, 2002). Điều này nếu có thể diễn ra thì có lẽ việc dẫn Herder cũng khá hạn chế trong cộng đồng học giả Việt Nam trước 1945.

Trước Nguyễn Đồng Chi, ở Việt Nam đã tồn tại các vệt tập thần thoại, cổ tích mà nổi tiếng hơn cả là *Lĩnh Nam chích quái*, *Việt điện u linh* ra đời trong khoảng thế kỷ XIV – XV. Sau này, có bộ *Truyện cổ nước Nam* của Nguyễn Văn Ngọc xuất bản đầu những năm 1930. Trong đó, đặc điểm chung của các bộ truyện cổ này là hoạt động kết tập, sắp xếp di sản truyện cổ của dân tộc chủ yếu chỉ từ các truyện của người Kinh/Việt. Di sản truyện cổ, trước Nguyễn Đồng Chi, mang đậm dấu ấn Việt tâm luận. Trong hình dung hàng ngàn năm truyện cổ “nước Nam”, hầu như đồng hóa lên toàn bộ lãnh thổ Đại Việt cổ và Việt Nam sau này là di sản truyện cổ chính là của người Kinh/Việt. Toàn bộ các truyện được chọn là truyện trôi nổi trong cộng đồng cư dân Kinh. Sự kiện này, loại trừ toàn bộ di sản truyện cổ đồ sộ ở các tộc người khác cũng sống trên đất nước Việt Nam.

Mười năm sau ngày nước Việt Nam dành được độc lập, học giả Nguyễn Đồng Chi lần lượt xuất bản *Lược khảo về thần thoại Việt Nam* (1956) và *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* (1957); hai công trình mà sau này sẽ được trao giải thưởng khoa học cao nhất của chế độ mới: Giải thưởng Hồ Chí Minh (đợt 1, 1996). Giải thưởng được nhà nước chuẩn định như di sản để định dạng nền móng của khoa học xã hội và dựng xây văn hóa nước nhà. Điểm nổi bật nhất ở các công trình này của Nguyễn Đồng Chi so với các công trình trước đây của các nhà tiền nhiệm, đó là: Nguyễn Đồng Chi đã đa tộc người hóa di sản truyện kể (thần thoại, cổ tích) Việt Nam. Một nỗ lực có mối quan hệ với “ý chí chính trị” của thời đại ông thuộc về, định dạng văn hóa và văn học Việt Nam không phải chỉ của người Kinh/Việt mà còn là của cả quốc gia Việt Nam đa tộc người.

Ở công trình thứ nhất, *Lược khảo về thần thoại Việt Nam* (1956), trong diễn giải vốn ảnh hưởng tiến hóa luận mác-xít của Nguyễn Đồng Chi rất quan trọng, có một lớp nghĩa nền tảng cần nhận thấy: thừa nhận thần thoại Việt Nam vốn ảnh hưởng nhiều từ thần thoại Trung Quốc (Đông Á), nhưng đồng thời, cũng mang dấu ấn Đông Nam Á sâu đậm với đa tộc người. Nhưng rồi, truy nguyên thêm nữa, Nguyễn Đồng Chi nhận thấy, ngay cả bản thân truyền thống thần thoại của Trung Quốc đi chăng nữa cũng có nhiều gợi ý từ nền thần thoại của các tộc người khác Hán, ví dụ truyện Bàn Cổ vốn đến từ truyền thống của người Dao. Tức là, dấu ấn Đông Nam Á là cần được nhận thức trong truyền thống thần thoại Việt Nam. Tiến đến một bước xa hơn, Nguyễn Đồng Chi nhận định:

“1. Những dân tộc đa số hay thiểu số ở bán đảo Ấn Độ China, tuy tiếng nói phong tục tập quán khác nhau, địa bàn cư trú riêng biệt, có dân phát triển sớm có dân phát triển muộn nhưng ngày xưa từng có một quan hệ mật thiết về dòng giống, văn hóa.

2. Giữa tộc này và tộc kia tuy có sự tương tranh vì vấn đề sống còn, từng coi nhau như thù địch nhưng nói chung căn bản vẫn có một ý thức tốt đối với nhau.

Có thể tiến lên một bước mà nói rằng tư tưởng “bốn biển như anh em một nhà” có lẽ bắt nguồn từ thời nguyên thủy” (Nguyễn Đồng Chi, 2003, tr.45).

Điều này chẳng phải là gì khác hơn cho bước chạy đà, tạo cơ sở kết tập huyền thoại Việt Nam như một di sản đa tộc người. Thần thoại Việt Nam là nền thần thoại chung của các “anh em”, các dân tộc Việt Nam.

Từ lập trường ấy, Nguyễn Đồng Chi tiến thêm một bước xác lập “Tài liệu về nguồn gốc của thần thoại Việt Nam”, sẽ như một di sản chung, cộng gộp, bồi đắp từ tất cả các truyền thống thần thoại đa tộc người Việt Nam. Trong nghị trình làm việc của mình, di sản thần thoại Việt Nam được Nguyễn Đồng Chi trưng dụng từ: “Sự tương quan giữa các thần thoại các dân tộc – Thần thoại Trung Quốc – Thần thoại Mèo – Thần thoại Mán – Thần thoại Lô lô – Thần thoại Mường – Thần thoại Lào – Thần thoại Bana – Thử so sánh một ít thần thoại” (Nguyễn Đồng Chi, 2003, tr.47). Các nền thần thoại này, theo diễn giải của Nguyễn Đồng Chi, vừa có sự tương đồng trong tư duy thần thoại nói chung, sự tương đồng có nền tảng toàn cầu khi người ta tìm được nhiều đặc điểm chung của thần thoại trên khắp thế giới như nạn hồng thủy; đồng thời, quan trọng hơn nữa, Nguyễn Đồng Chi viết: “... tạm kết luận rằng giữa những dân tộc ở Nam Bộ Trung Quốc và Bắc Bộ Đông Dương nếu không có một quan hệ về nguồn gốc nòi giống thì cũng từng có những sự giao lưu văn hóa rất mật thiết từ thời cổ” (Nguyễn Đồng Chi, 2003, tr.66). Thần thoại Việt Nam, vì thế, sẽ có cơ sở để được dựng lên trên cơ tầng tương đồng tư duy thần thoại các tộc người trong khắp nước Việt Nam đa tộc người. Đất nước mới được khai sinh này, định khung tri thức mới gắn với chế độ mới (được hình dung là ưu việt) nhìn nhận các dân tộc trong quốc gia như một thân tộc, là “anh em”.

Tìm kiếm được cơ sở làm điểm tựa cho việc kết tập, diễn giải thần thoại Việt Nam, Nguyễn Đồng Chi lần đầu tiên xây dựng một lịch sử, một “phả hệ” thần thoại tương đối hoàn chỉnh cho Việt Nam. Một cách lóp lang, Nguyễn Đồng Chi xếp thần thoại Việt Nam thành các nhóm lớn, mang tính chất ít nhiều có tính lịch đại. Đầu tiên, là lớp truyện liên quan đến Buổi khai mạc của vũ trụ; tiếp đến, là lớp truyện liên quan đến Gia phả các họ nhà thần; tiếp đến, là Thần thoại về Lạc Long Quân; sau cùng là Dật sự về thời Hùng Vương. Chương trình làm việc của Nguyễn Đồng Chi đã thành toàn, xây dựng được một thân tộc thần thoại lóp lang, tạo dựng một “logic” truyện kể theo kiểu tư duy “tiền logic” như quan niệm Lévy-Brulh, khớp nối liên lạc đường dây truyền thừa tổ tiên huyền thoại dân tộc. Nhưng di sản thần thoại của Nguyễn Đồng Chi còn mang nhiều ý nghĩa hơn thế, thật thú vị khi ông đã dựng lên di sản thần thoại, truyện cổ Việt Nam như là một di sản đa tộc người. Điều mà ông thực hành, thể hiện và dẫn liệu, bồi đắp ở khắp nghiên cứu của mình chứ không đi vào nhấn mạnh tuyên ngôn. Thừa nhận tính chất Trung Hoa của thần thoại Việt Nam, nhưng đồng thời, cũng nhận ra điểm khác biệt của thần thoại Việt Nam so với Trung Quốc, điều mà nền thần thoại này có được do tham thông vào các kinh nghiệm Đông Nam Á của thần thoại Việt Nam đa tộc người, đó chính là lớp nghĩa nổi bật nhất trong công trình của Nguyễn Đồng Chi.

Như hoạt động quen thuộc của các nhà chủ nghĩa dân tộc lãng mạn, những người thường sử dụng truyện kể thần thoại xây dựng lên các truyền thống dân tộc (Nguyễn

Mạnh Tiến 2016; Nguyễn Mạnh Tiến 2019), Nguyễn Đồng Chi cũng trù xuất, tìm thấy các truyền thống Việt Nam “ấn dấu” trong thần thoại: “Thần thoại Việt Nam làm nổi bật về ý thức và sức mạnh của người Việt: tinh thần tự cường, tự trọng; đòi hỏi lẽ phải; không chịu khuất phục trước những lực lượng lớn mạnh hơn mình. Ngoài những truyền tiêu biểu cho tính chất tự tôn tự đại (cha rồng mẹ tiên), tính chất chống xâm lăng (Thánh Gióng, thần Kim Quy), ta còn thấy có khá nhiều truyện trong đó có những sự việc tiêu biểu tinh thần bất khuất như kiện Ngọc Hoàng, như chống lại thần Sét, thần Nước, như thần lặn bác ý kiến của voi, chàng Ngưu quyết lên trời tìm vợ, v.v... Tất cả những sự việc đó mặc dầu thể hiện ít nhiều quan niệm dân chủ ấu trĩ hồi sơ khai nhưng cũng cho ta thấy người Việt ngày xưa đã sớm có tư tưởng đấu tranh để vươn lên, để tự tôn trong lãnh thổ nhỏ hẹp của mình” (Nguyễn Đồng Chi, 2003, tr.150-151).

Một năm sau, Nguyễn Đồng Chi lại tiếp tục công bố công trình *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* (1957). Ấn bản được sản xuất văn học tại Việt Nam liên tục tái bản, tạo thành một trong những bộ cẩm nang quan trọng để người Việt Nam hiện đại các thế hệ dựng khung tri thức văn hóa – cổ tích. Về góc độ chuyên môn khoa văn học, ở đây là văn học dân gian, Nguyễn Đồng Chi mở đường và đặt nền móng cho sự bản khảo của thể loại, cố gắng tìm kiếm nguồn gốc, đặc trưng, ranh giới dù không dễ phân định của thần thoại, truyền thuyết và cổ tích. Về góc độ đại chúng, thì chính nội dung, xếp xáp, phân chia và kể lại các truyện cổ tích trong vừng tập đồ sộ của ông mới được người đọc bình dân quan tâm nhiều hơn. Trước khi đi sâu vào nội dung chính là các câu truyện cổ, ở phần khảo luận đầu bộ sách, chúng ta cần chú trọng đến một lớp nghĩa quan trọng, để hiểu hơn động hướng tư duy chủ nghĩa dân tộc lãng mạn trong cách thức làm việc của Nguyễn Đồng Chi. Trong ba đặc điểm đáng chú ý hơn cả để nhìn nhận loại hình cổ tích theo Nguyễn Đồng Chi, đặc điểm thứ hai: “sự việc được kể dường có yếu tố gì quá xa lạ với bản sắc dân tộc” (Nguyễn Đồng Chi, 2003, tr.175). Lớp nghĩa này là rất đáng chú ý. Nguyễn Đồng Chi thừa nhận có một “bản sắc dân tộc” tồn tại, cho dù, phân định bản sắc ấy là gì thì chính Nguyễn Đồng Chi không chỉ định một cách rõ ràng mà chỉ được bàn đến rải rác khắp các khảo cứu của ông, dưới các định danh “truyền thống”, “tâm hồn dân tộc”. Theo đó, một truyện được gọi là cổ tích phải tương thích với tâm hồn dân tộc, dù đó là một cốt truyện vay mượn nhưng bằng cách nào đó trong dòng lịch sử dân tộc đã trải nghiệm, hấp thu nó và cảm thấy nó quen thuộc gần gũi. “Đặc điểm này cắt nghĩa tại sao khi một truyện cổ tích của dân tộc này truyền vào một dân tộc khác, thì phải chuyển hóa thành một truyện mới, hay ít nhất cũng phải mang những hình tượng, những màu sắc quen thuộc hoặc gần như quen thuộc với điều kiện sinh hoạt, với tâm hồn của dân tộc mới” (Nguyễn Đồng Chi, 2003, tr.176). Mỗi dân tộc được hình dung có một tâm hồn. Đây chính là biểu hiện của di sản *Völkerpsychologie* (tâm lý học dân tộc) vốn gây ảnh hưởng mạnh ở đời sống trí thức Việt Nam đầu thế kỷ XX (Luu Ngọc An, 2025) được tái sản xuất ý tưởng trong suy nghĩ của Nguyễn Đồng Chi.

Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam chứa đựng rất nhiều căn rễ phức tạp, nhưng điểm đóng góp lớn hơn cả, cần nhận thấy, đó chính là qua công trình này, một sự tiếp nối phát triển cao so với *Lược khảo về thần thoại Việt Nam* (1956), Nguyễn Đồng Chi thực sự kiến tạo nên một di sản tự sự dân gian Việt Nam theo hướng đa tộc người. Kết tập các nền văn học tộc người anh em trong quốc gia Việt Nam mới Xã hội Chủ nghĩa, Nguyễn Đồng Chi tạo dựng một di sản truyện kể dân gian không còn là ấn tượng chỉ mỗi Việt. Khác biệt, trong nghị trình làm việc của Nguyễn Đồng Chi *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam* trên nền các truyện của người Kinh đa số còn là rất nhiều truyện của các tộc người thiểu số được đưa vào. Tất cả đều là Việt Nam. Đồng thời, trong ấn phẩm *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, trên nền một truyện kể chính được chọn lựa, bao giờ cũng có một phần rất đáng chú ý là phần “khảo dị”. Trong phần khảo dị này, các cốt truyện tương đồng của các tộc người, dân tộc khác nhau trên thế giới thường được viện dẫn để so sánh. Nhưng hơn hết, phần khảo dị bao giờ cũng tập trung sâu hơn cả vào các cốt truyện kể tương đồng của các tộc người thiểu số trên đất Việt Nam.

Thử xem xét vài ví dụ:

Mục 8. Sự tích chim năm trâu sáu cột và chim bắt cô trói cột. Khảo dị: Truyện đồng bào Tày: Sự tích chim năm trâu sáu cột. Truyện người thiểu số ở Việt Bắc: Sự tích chim khảm khắc. Truyện người thiểu số ở Hà Giang. Truyện của đồng bào Ca Tu: sự tích chim vua quan trói cột. (Nguyễn Đồng Chi, 2003, tr.258-264)

Mục 33. Sự tích thành Lôi. Khảo dị: Sự tích tháp Nhạn. Truyện Champa: Sự tích vua Kolong Giarai xây tháp thi. Truyện của người Kho Me. Xây một ngàn ngọn tháp. Truyện Việt Nam. Truyện trong *Ô châu cận lục*: Tháp Dương Lệ. Truyện Việt Nam: Xây thành giấy. Truyện trong *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Đại Việt thông sử*. Truyện của đồng bào Thái: Bày người Kinh. (Nguyễn Đồng Chi, 2003, tr.445 – 454)

Hai mục trên, và còn rất nhiều mục khác có tính chất tương đồng, Nguyễn Đồng Chi đưa các cốt truyện của tộc người thiểu số vào truyền thống cổ tích Việt Nam. Sự mở rộng các cốt truyện tương đồng ở các tộc người khác nhau trong nước Việt Nam đa tộc người tạo dựng một sự “chung nguồn”, “chung tưởng tượng” trong cấu trúc kể dân gian ở nước Việt Nam đa tộc người. Chương trình làm việc này của Nguyễn Đồng Chi, đã đi xa hơn những người tiền nhiệm của ông như Nguyễn Văn Ngọc. Nguyễn Đồng Chi như thế, cho đến thời điểm 1956-1957 khi ông công bố các công trình của mình, là một trong những dấu mốc quan trọng đào luyện cảm quan đa tộc người trong di sản văn chương truyền khẩu, cơ tầng văn hóa bình dân trong một nước Việt Nam mới. Về mặt chính trị, có thể ông đã thực hành xuất sắc yêu cầu đại đoàn kết dân tộc mà Đảng Lao động Việt Nam² vinh quang của ông luôn đặt ra. Về mặt văn hóa, ông đã kiến tạo trong nước

² Cuối phần “Lời nói đầu” sách *Lược khảo về thần thoại Việt Nam*, ghi: “Hà Nội, ngày kỷ niệm Đảng Lao động Việt Nam năm 1956” (Nguyễn Đồng Chi, 2003).

Việt Nam hiện đại một di sản mới thoát khỏi đơn ấn tượng Việt tâm luận hoặc quá thiên về Hán hóa của mô hình Đông Á mà chảy nhiều hơn vào mạch nguồn Đông Nam Á với tính chất đa tộc người.

3. KẾT LUẬN

Trong dòng chảy lịch sử của chủ nghĩa dân tộc lãng mạn ở Việt Nam, Nguyễn Đồng Chi có thể xem là một trong những người đầu tiên nỗ lực kết tập, san định, chú giải truyền thống tự sự Việt Nam theo hướng đa tộc người. Đó là một mắt xích quan trọng trong việc đặt nền móng và gia tăng tính đa tộc người cho Việt Nam, kiến tạo truyền thống dân tộc Việt Nam nói chung như một di sản văn hóa đa tộc người.

Về sau, những nỗ lực kiểu Nguyễn Đồng Chi được tiếp nối, có hẳn một di sản kết tập, nghiên cứu, diễn giải văn chương dân gian Việt Nam theo hướng đa tộc người. Những công trình quan trọng như của Cao Huy Đình và Đặng Nghiêm Vạn (1971), Võ Quang Nhơn (1983) và dự án của Đặng Nghiêm Vạn (2003; 2007)³ hay sau này là chương trình mà Nguyễn Xuân Kính chủ nhiệm⁴, tiếp tục bồi đắp, xây dựng cơ sở dữ liệu cho cảm quan Việt Nam như một thực thể đa tộc người. Ở đấy, người ta tìm thấy nền văn hóa Việt Nam đa tộc người. Tính đa tộc người thể hiện rõ nét nhất, mạch lạc và nhiều dữ kiện không gì hơn tìm về trong chính di sản để lại từ nền văn chương dân gian Việt Nam đa tộc người.

LỜI CẢM ƠN

Bài viết là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học mã số KHXH/ĐX/2025-167 do Viện Văn học chủ trì năm 2025 – 2026.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cao Huy Đình, Đặng Nghiêm Vạn. (1971). “Quá trình hệ thống hóa thần thoại Việt Nam về nguồn gốc dân tộc và tính chất dân tộc của nó”. *Khảo cổ học*, số 9+10.
- [2] Đặng Nghiêm Vạn. (2003). *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*: NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- [3] Đặng Nghiêm Vạn. (2007). *Văn hóa Việt Nam đa tộc người*: NXB Giáo dục. Hà Nội.

³ Đặng Nghiêm Vạn cũng là người tham gia chủ biên cho các bộ *Tổng tập văn học Việt Nam* (tập: 39, 40 và 4) (2000), phần liên quan đến văn học các tộc người thiểu số.

⁴ Nguyễn Xuân Kính là chủ tịch hội đồng bộ sách *Tổng tập văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam* (2007 – 2010) gồm 23 tập, giới thiệu về di sản văn học các dân tộc thiểu số Việt Nam theo cái nhìn thể loại.

- [4] Finkelkraut, Alain. (1989). “Sieyès, Herder, Goethe - Tính phổ quát và bản sắc dân tộc”. Tạp chí *Người đưa tin UNESCO*. Chuyên đề “1789 Một ý tưởng đã làm thay đổi thế giới”, số tháng 6.
- [5] Hồ Chí Minh. (2011). *Toàn tập*. Tập 9: NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật. Hà Nội.
- [6] Lê Thành Khôi. (Nguyễn Nghi dịch). (2014). *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỷ XX*: NXB Thế giới. Hà Nội.
- [7] Lưu Ngọc An. (2025). “Dịch, viết lại và chủ nghĩa dân tộc: Ernest Renan và Alfred Fouillée trên *Nam Phong tạp chí*”. Trong: Phạm Phương Chi – Mai Thị Thu Huyền chủ biên. (2025). *Văn học và các vấn đề quốc gia – dân tộc Lý thuyết và Thực nghiệm*. (Tập 1): NXB Văn học. Hà Nội.
- [8] Nguyễn Đồng Chi. [1956] (2003). *Lược khảo về thân thoại Việt Nam*. Trong: *Tác phẩm được giải thưởng Hồ Chí Minh*: NXB Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- [9] Nguyễn Đồng Chi. [1957] (2003). *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*. Trong: *Tác phẩm được giải thưởng Hồ Chí Minh*: NXB Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- [10] Nguyễn Mạnh Tiến. (2014) [2025]. *Những đỉnh núi du ca – Một lối tìm về cá tính H’mông*: NXB Hội nhà văn. Hà Nội.
- [11] Nguyễn Mạnh Tiến. (2016). “Trí thức Việt Nam đầu thế kỷ XX: Trường hợp Nguyễn Văn Huyền đối diện với sự kiện Hát đối đáp”. Trong: Nguyễn Văn Sửu, Nguyễn Văn Huy, Lâm Bá Nam, Vương Xuân Tình đồng chủ biên. (2016). *Nhân học ở Việt Nam: Một số vấn đề lịch sử, nghiên cứu và đào tạo*: NXB Tri thức. Hà Nội.
- [12] Nguyễn Mạnh Tiến. (2019). “Sự kiện hát đối đáp và chủ nghĩa dân tộc: một quan sát tri thức Việt Nam đầu thế kỷ XX”. Tạp chí *Sông Hương*, số 365.
- [13] Nguyễn Mạnh Tiến. (2021). *Khai nguyên Rồng Tiên*: NXB Hội nhà văn. Hà Nội.
- [14] Nguyễn Mạnh Tiến. (2025). “Từ dân ca đến dân tộc: Hoạt động trưng dụng dân ca kiến tạo quốc gia dân tộc Việt Nam thời thuộc địa”. Trong: Phạm Phương Chi – Mai Thị Thu Huyền chủ biên. (2025). *Văn học và các vấn đề quốc gia – dân tộc Lý thuyết và Thực nghiệm*. (Tập 1): NXB Văn học. Hà Nội.
- [15] *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*. (1958). Tập 1: NXB Sự thật. Hà Nội.
- [16] Pelley, Patricia. (2002). *Postcolonial Vietnam: New Histories of the National Past*. Durham: Duke University Press.
- [17] Thiesse, Anne-Marie. (Nguyễn Thị Hạnh – Nguyễn Hoàng Như Thanh dịch). (2025). *Sự tạo thành bản sắc dân tộc châu Âu, thế kỷ XVIII-XX*. NXB Đại học Sư phạm. Hà Nội.
- [18] Võ Quang Nhơn. (1983). *Văn học dân gian các dân tộc ít người ở Việt Nam*: NXB Đại học và Trung học Chuyên nghiệp. Hà Nội.
- [19] Wilson, William A. (1973). “Herder, Folklore and Romantic Nationalism”. *The Journal of Popular Culture*, Volume 6, Issue 4.

NGUYEN DONG CHI AND THE ENDEAVOR TO CONSTRUCT A MULTI-ETHNIC VIETNAMESE MYTHOLOGY

Nguyen Manh Tien

Institute of Literature – Vietnam Academy of Social Sciences

Email: nguyenmanhtien.hvn@gmail.com

ABSTRACT

Nguyễn Đồng Chi is widely regarded as one of the pioneering scholars who played a decisive role in laying the intellectual foundations of folklore studies in Vietnam. This article examines two of his landmark works, *A Preliminary Survey of Vietnamese Mythology* (1956) and *The Treasury of Vietnamese Fairy Tales* (1957), to explore the intellectual framework underpinning his scholarship. It argues that romantic nationalism served as the dominant paradigm informing Nguyễn Đồng Chi's project of constructing a national literary and cultural identity. Beyond establishing the disciplinary foundations of Vietnamese folklore studies, his scholarship also provided an essential corpus for conceptualizing Vietnam's multiethnic literary heritage and, more broadly, for understanding the country's cultural identity as inherently multiethnic.

Keywords: Romantic nationalism, multi-ethnicity, Nguyễn Đồng Chi, folklore.